

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

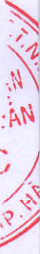
Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Ác quy Tia sáng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 11 tháng 04 năm 2018.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Đinh Văn Giao
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3286-2015-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		88.985.236.241	107.749.955.975
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.236.330.114	5.645.608.955
111	1. Tiền		4.236.330.114	5.645.608.955
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.382.477.321	36.341.147.021
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	19.663.767.739	39.883.325.642
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	461.010.253	472.568.554
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	952.698.223	288.856.816
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.694.998.894)	(4.303.603.991)
140	III. Hàng tồn kho	8	65.974.478.441	64.906.053.792
141	1. Hàng tồn kho		66.695.202.300	65.450.377.706
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(720.723.859)	(544.323.914)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.391.950.365	857.146.207
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	340.312.301	32.958.724
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.945.316.453	317.807.819
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	106.321.611	506.379.664

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		50.184.155.977	45.891.126.658
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		194.862.832	194.862.832
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	194.862.832	194.862.832
220	II. Tài sản cố định		49.539.249.059	45.135.320.039
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	44.962.947.181	39.991.024.069
222	- Nguyên giá		134.657.188.804	123.144.051.089
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(89.694.241.623)	(83.153.027.020)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	3.366.528.078	3.871.691.370
225	- Nguyên giá		4.240.253.753	4.240.253.753
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(873.725.675)	(368.562.383)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	1.209.773.800	1.272.604.600
228	- Nguyên giá		1.314.154.000	1.314.154.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.380.200)	(41.549.400)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	149.610.316
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	149.610.316
260	IV. Tài sản dài hạn khác		450.044.086	411.333.471
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	450.044.086	411.333.471
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		139.169.392.218	153.641.082.633

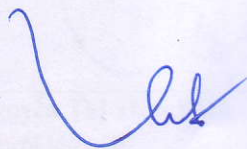


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		64.910.193.431	77.976.839.765
310	I. Nợ ngắn hạn		64.895.193.431	77.118.575.034
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	21.601.171.664	11.235.562.837
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.177.942.746	500.382.944
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	29.120.547	290.772.898
314	4. Phải trả người lao động		2.606.786.723	3.590.978.452
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	276.239.790	414.243.417
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	436.300.822	384.911.136
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	37.276.367.335	59.389.936.761
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	1.213.193.278	1.180.631.569
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		278.070.526	131.155.020
330	II. Nợ dài hạn		15.000.000	858.264.731
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	15.000.000	89.584.600
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	768.680.131
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		74.259.198.787	75.664.242.868
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	74.259.198.787	75.664.242.868
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		67.454.800.000	67.454.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		67.454.800.000	67.454.800.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.239.433.818	5.037.436.368
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	51.825.362
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.564.964.969	3.120.181.138
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		31.610.544	116.739.378
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.533.354.425	3.003.441.760
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		139.169.392.218	153.641.082.633

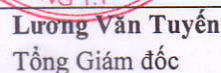


Nguyễn Thị Thanh Hà
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2019



Nguyễn Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng






Lương Văn Tuyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	221.173.417.577	205.304.237.598
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	3.336.732.987	3.685.649.081
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		217.836.684.590	201.618.588.517
11	4. Giá vốn hàng bán	24	188.384.053.035	171.333.069.487
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.452.631.555	30.285.519.030
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	293.788.982	108.313.089
22	7. Chi phí tài chính	26	4.031.153.691	3.086.041.749
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.755.607.662	3.028.315.751
25	9. Chi phí bán hàng	27	14.989.392.382	14.280.913.995
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	8.673.958.461	10.020.143.119
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.051.916.003	3.006.733.256
31	11. Thu nhập khác		9.679.200	7.111.400
32	12. Chi phí khác	29	128.182.725	10.402.896
40	13. Lợi nhuận khác		(118.503.525)	(3.291.496)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.933.412.478	3.003.441.760
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	400.058.053	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.533.354.425</u>	<u>3.003.441.760</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	227	445


Nguyễn Thị Thanh Hà
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2019


Nguyễn Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng


Lương Văn Tuyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.933.412.478	3.003.441.760
	2. Điều chỉnh cho các khoản		10.754.651.917	10.072.469.457
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		7.589.688.523	6.913.974.202
03	- Các khoản dự phòng		600.356.557	132.763.735
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(45.437.920)	759.662
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(145.562.905)	(3.343.893)
06	- Chi phí lãi vay		2.755.607.662	3.028.315.751
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.688.064.395	13.075.911.217
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		17.935.520.187	(13.154.400.633)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.244.824.594)	(7.202.550.284)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.758.678.922	(5.146.537.794)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(346.064.192)	(114.053.584)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.875.998.389)	(2.941.388.057)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	456.905.854
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		559.000	6.360.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(93.850.000)	(43.450.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.822.085.329	(15.063.203.281)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(11.844.007.227)	(4.762.876.394)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		145.562.905	3.343.893
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.698.444.322)	(4.759.532.501)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		174.265.067.734	170.527.420.602
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(193.929.303.781)	(146.620.575.729)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(3.165.475.244)	(239.679.511)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.698.192.000)	(674.548.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(25.527.903.291)	22.992.617.362

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.404.262.284)	3.169.881.580
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.645.608.955	2.480.746.507
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.016.557)	(5.019.132)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.236.330.114</u>	<u>5.645.608.955</u>

Nguyễn Thị Thanh Hà
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lương Văn Tuyên
Tổng Giám đốc